

Số: 05.24/BCTC-TCO

TP. Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS

- Mã chứng khoán: TCO
- Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 076 8064686
- E-mail: info@tcoholdings.vn

2. Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2023 và giải trình

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/01/2024 tại đường dẫn:

<https://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm

Tài liệu đính kèm:

- BCTC và giải trình.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



BÙI LÊ QUỐC BẢO

Số: 0405/2024/CV-TCO

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2024

CÔNG VĂN

(v/v: Giải trình biến động lợi nhuận của Báo cáo tài chính Quý IV năm 2023)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2023 và so với cùng kỳ năm 2022 của Công ty Cổ phần TCO Holdings và các công ty con.

Công ty Cổ phần TCO Holdings (“Công ty”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Quý IV/2023	Quý IV/2022	Biến động	
			Giá trị	%
Báo cáo tài chính riêng				
Doanh thu thuần	406.367.983	13.165.862.408	(12.759.494.425)	(96,91%)
Lợi nhuận sau thuế	5.524.792.426	3.315.466.639	2.209.325.787	66,64%
Báo cáo tài chính hợp nhất				
Doanh thu thuần	406.367.983	134.498.303.473	(134.091.935.490)	(99,70%)
Lợi nhuận sau thuế	4.754.834.784	41.035.883.421	(36.281.048.637)	(88,41%)

Báo cáo tài chính riêng: lợi nhuận sau thuế TNDN Quý IV năm 2023 tăng 2,21 tỷ (tương đương 66.64%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do sự biến động của các chỉ tiêu:

- Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Quý IV lần lượt giảm 12,76 tỷ đồng và 480 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân đến từ việc tái cấu trúc các hoạt động của Công ty. Các hoạt động chính như dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị; cung cấp dịch logistics và dịch vụ đại lý tàu biển được chuyển xuống cho các công ty con thực hiện.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 3,52 tỷ đến từ việc thanh lý các hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 837 triệu chủ yếu do công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Báo cáo tài chính hợp nhất: lợi nhuận hợp nhất sau thuế TNDN Quý IV năm 2023 giảm 36,28 tỷ (tương đương 89,41%) so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân chủ yếu do năm nay Công ty không phát sinh doanh thu hoạt động tài chính đến từ việc thanh lý Công ty con (năm trước: doanh thu hoạt động tài chính đến từ thanh lý công ty con là 42,42 tỷ).

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TCO
HOLDINGS

M.S.D.N: 0200793087

BÙI LÊ QUỐC BẢO

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

Báo cáo tài chính hợp nhất (chưa được kiểm toán)

Cho giai đoạn Quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 46

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển; và xây dựng, sản xuất, kinh doanh lúa gạo.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có ba (3) công ty con trực tiếp và hai (2) công ty con gián tiếp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/11/2023
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/11/2023
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18/11/2023
Ông Phạm Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023; miễn nhiệm ngày 18/11/2023
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023; miễn nhiệm ngày 18/11/2023
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023; miễn nhiệm ngày 18/11/2023
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023; miễn nhiệm ngày 18/11/2023
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023; miễn nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/06/2023
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/06/2023
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/06/2023
Ông Đào Việt Anh	Thành viên	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/06/2023
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên độc lập	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/06/2023

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HĐQT

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/11/2023
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/11/2023
Ông Phạm Trần Ái Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023; miễn nhiệm ngày 18/11/2023
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023; miễn nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Phạm Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023; miễn nhiệm ngày 18/11/2023
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Chủ tịch	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/06/2023
Ông Đào Việt Anh	Thành viên	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/06/2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Bổ nhiệm ngày 14/09/2023
Ông Nguyễn Nam Hùng	Bổ nhiệm ngày 04/07/2023; miễn nhiệm ngày 14/09/2023
Ông Phan Thanh Bình	Bổ nhiệm ngày 08/05/2018; miễn nhiệm ngày 04/07/2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Bổ nhiệm ngày 23/11/2023
Ông Phạm Duy	Bổ nhiệm ngày 08/07/2023; miễn nhiệm ngày 23/11/2023
Ông Đàm Mạnh Cường	Miễn nhiệm ngày 08/07/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TCO Holdings ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn Quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn Quý IV và năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		865.211.021.955	321.621.683.479
110	I. Tiền	5	3.732.860.044	1.983.025.208
111	1. Tiền		3.732.860.044	1.983.025.208
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		54.920.581.824	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	54.920.581.824	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		736.932.654.707	319.434.491.587
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	7	44.777.224.718	8.066.067.099
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	693.129.704.205	70.234.624.456
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	305.861.341	241.133.800.032
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.280.135.557)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	57.331.182.006	130.296.375
141	1. Hàng tồn kho		57.331.182.006	130.296.375
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.293.743.374	73.870.309
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	524.034.587	54.172.919
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	11.769.708.787	1.041.625
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	18.655.765
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		313.358.408.855	2.415.876.696
210	I. Khoản phải thu dài hạn		534.342.260	467.808.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	534.342.260	467.808.000
220	II. Tài sản cố định		191.140.924.080	842.986.659
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	114.102.145.130	842.986.659
222	Nguyên giá		141.897.720.755	1.323.944.547
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(27.795.575.625)	(480.957.888)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	77.038.778.950	-
228	Nguyên giá		78.043.678.658	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.004.899.708)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.964.352.164	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	9.964.352.164	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		110.718.790.351	1.105.082.037
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.922.679.842	1.105.082.037
269	2. Lợi thế thương mại	12	108.796.110.509	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.178.569.430.810	324.037.560.175

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		861.548.718.827	14.782.386.520
310	I. Nợ ngắn hạn		815.209.718.350	14.767.386.520
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	8.665.984.345	2.407.511.941
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	379.895.649.633	193.182.254
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.986.928.100	774.297.198
314	4. Phải trả người lao động		283.922.213	1.657.558.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.108.384.485	671.758.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	4.328.702.957	8.121.704.502
320	7. Vay ngắn hạn	21	416.460.536.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	1.479.610.617	941.374.075
330	II. Nợ dài hạn		46.339.000.477	15.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	15.000.000
338	2. Vay dài hạn	21	26.363.096.000	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.6	19.975.904.477	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		317.020.711.983	309.255.173.655
410	I. Vốn chủ sở hữu		317.020.711.983	309.255.173.655
411	1. Vốn cổ phần	23.1	187.110.000.000	187.110.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.110.000.000	187.110.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	29.926.933.100	29.926.933.100
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	2.781.094.734	1.893.429.039
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	94.257.357.168	89.824.660.684
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm		86.717.830.752	45.441.375.949
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		7.539.526.416	44.383.284.735
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23.5	2.945.326.981	500.150.832
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.178.569.430.810	324.037.560.175



Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2024

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn Quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Luỹ kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	24.1	406.367.983	134.498.303.473	29.483.885.048	1.386.240.063.216
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	25	335.853.600	132.548.448.211	23.357.775.209	1.366.711.755.658
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		70.514.383	1.949.855.262	6.126.109.839	19.528.307.558
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	8.925.757.393	44.221.379.011	13.129.637.510	49.635.575.297
22	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	26	156.580.585	711.084.114 709.316.081	159.109.928	5.134.732.806 5.132.900.852
25	6. Chi phí bán hàng	27	-	351.035.402	-	3.296.845.577
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	3.487.664.275	3.431.754.052	10.542.072.261	16.436.853.863
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.352.026.916	41.677.360.705	8.554.565.160	44.295.450.609
31	9. Thu nhập khác	30	546.772.732	-	846.772.732	114
32	10. Chi phí khác	30	-	-	48	238.362.136
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	30	546.772.732	-	846.772.684	(238.362.022)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.898.799.648	41.677.360.705	9.401.337.844	44.057.088.587
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	1.141.829.160	641.477.284	1.860.388.502	2.979.160.057
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		2.135.704	-	-	-

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

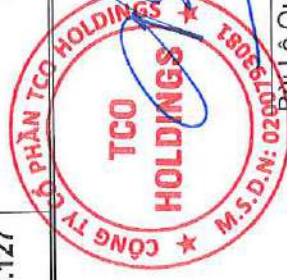
B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.754.834.784	41.035.883.421	7.540.949.342	41.077.928.530
61	16. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		4.754.842.649	41.034.867.852	7.539.526.416	44.383.284.735
62	17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23.5	(7.865)	1.015.569	1.422.926	(3.305.356.205)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.4	246	2.127	391	2.301
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.4	246	2.127	391	2.301

Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.401.337.844	44.057.088.587
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	13, 14	98.088.330	1.189.570.214
03	Các khoản dự phòng		1.280.135.557	-
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(6.258.358)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.976.837.934)	(49.628.583.558)
06	Chi phí lãi vay		-	5.132.900.852
07	Các khoản điều chỉnh khác	30	(536.094.213)	-
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.733.370.416)	744.717.737
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		122.542.881.263	(41.542.570.326)
10	Giảm hàng tồn kho		130.296.375	4.270.087.682
11	Tăng các khoản phải trả		(3.985.001.217)	(32.833.936.170)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		77.517.996	(351.969.625)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(5.132.900.852)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.364.538.672)	(4.408.147.361)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.680.927.695)	(1.593.648.979)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		112.986.857.634	(80.848.367.894)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		-	(13.808.292.003)
23	Tiền chi cho vay và hợp tác kinh doanh		(118.300.000.000)	(75.600.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và hợp tác kinh doanh		299.500.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(314.161.988.965)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		48.790.646.567	60.876.358.164
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		25.242.740.000	8.857.953
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(58.928.602.398)	(28.523.075.886)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu Tiền thu góp vốn từ cổ đông không kiểm soát		- 150.000.000	- 500.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	21	-	319.985.506.500
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(45.000.000.000)	(218.199.684.980)
36	Cổ tức đã trả		(7.458.420.400)	(13.110.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(52.308.420.400)	102.272.711.520
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.749.834.836	(7.098.732.260)
60	Tiền đầu năm		1.983.025.208	9.075.499.110
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	6.258.358
70	Tiền cuối năm	5	3.732.860.044	1.983.025.208



Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển; và xây xát, sản xuất, kinh doanh lúa gạo.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 74 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 55).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 5 Công ty con và các đơn vị trực thuộc (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1 Công ty con và các đơn vị trực thuộc) như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

a. Các công ty con

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Lợi ích kinh tế	
			31/12/2023	31/12/2022
Các Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 05 Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	99,957%	-
Công ty Cổ phần TCO Agri	Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 05 Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn và xuất nhập khẩu gạo	99,951%	-
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 05 Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	99,949%	-
Công ty Cổ phần Logistic Tasa Duyên Hải	Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hoá, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển	-	99,000%
Các Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua các Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Tỉnh lộ 954, Tổ 10, Ấp Long Hòa 2, Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Xây xát và sản xuất bột thô	99,619%	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia	320 Bến Vân Đồn, Phường 02, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	89,961%	-

b. Đơn vị trực thuộc

- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Văn phòng Đại diện tại tỉnh Thanh Hoá
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Địa điểm kinh doanh tại Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ - chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	7 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng; và
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của HĐQT và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ phát triển thị trường

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Lãi trên cổ phiếu* (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Logistic Tasa Duyên Hải*

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải ("Tasa Duyên Hải") cho các đối tác với tổng giá phí là 49.500.000.000 VND. Theo đó, chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị tài sản thuần trong Tasa Duyên Hải thuộc sở hữu của Công ty tại ngày này là: 156.580.585 VND đã ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 26*).

4.2 *Thành lập Công ty Cổ phần TCO Real Estate*

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần TCO Real Estate ("TCO Real Estate") với số tiền là 98.670.000.000 VND, tương đương 99,949% tỷ lệ lợi ích trong TCO Real Estate.

4.3 *Thành lập Công ty Cổ phần TCO Agri*

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần TCO Agri ("TCO Agri") với số tiền là 101.660.000.000 VND, tương đương 99,951% tỷ lệ lợi ích trong TCO Agri.

4.4 *Thành lập Công ty Cổ phần TCO Logistics*

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần TCO Real Estate ("TCO Real Estate") với số tiền là 116.670.000.000 VND, tương đương 99,957% tỷ lệ lợi ích trong TCO Logistics.

4.5 *Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia*

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã mua 1.800.000 cổ phần, tương ứng 99,000% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia ("**An Gia**"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0316357461, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Lĩnh vực kinh doanh chính của An Gia là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Nhóm Công ty mua An Gia với mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh gạo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia (tiếp theo)

Tài sản thuần tại ngày 30 tháng 12 năm 2023 được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giá trị sổ sách của tài sản do Nhóm Công ty đang làm việc với đơn vị tư vấn độc lập đánh giá về giá trị của các phương tiện vận tải của Công ty Nam An. Việc định giá này vẫn chưa hoàn thành vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành.

4.6 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành mua 9.966.667 cổ phần, tương ứng 99,667% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An ("**Nam An**"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1602084376, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu vào ngày 30 tháng 10 năm 2018. Lĩnh vực kinh doanh chính của Nam An là xây xát và sản xuất bột thô (nhà máy xây xát, đánh bóng gạo các loại xuất khẩu và nội địa). Nhóm Công ty mua Nam An với mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh sang ngành gạo.

Tài sản thuần tại ngày 30 tháng 12 năm 2023 được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên ước tính tạm thời về giá trị hợp lý do Nhóm Công ty đang làm việc với đơn vị tư vấn độc lập đánh giá về giá trị của đất, nhà xưởng và máy móc thiết bị của Nam An. Việc định giá này vẫn chưa hoàn thành vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành.

Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua của Nam An được trình bày dưới đây:

	<i>VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	1.013.222.436.969
Tiền và tương đương tiền	2.688.098.269
Đầu tư tài chính	55.920.581.824
Các khoản phải thu	726.032.876.195
Hàng tồn kho	57.104.692.662
Tài sản cố định	161.169.597.055
Tài sản dở dang dài hạn	784.410.000
Tài sản khác	9.522.180.964
Nợ phải trả	822.291.605.116
Nợ và vay	802.315.700.639
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19.975.904.477
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	190.930.831.853
Cổ đông thiểu số	(726.942.362)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	108.796.110.509
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	299.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	520.226.580	611.361.768
Tiền gửi ngân hàng	3.212.633.464	1.371.663.440
TỔNG CỘNG	3.732.860.044	1.983.025.208

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	54.920.581.824	54.920.581.824	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	54.920.581.824	54.920.581.824	-	-
Dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Trái phiếu (**)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	55.920.581.824	55.920.581.824	-	-

(*) Số cuối kỳ thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,2% đến 7,5%/năm. Trong đó số tiền 50.000.000.000 đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2 (Thuyết minh số 21.1)

(**) Số cuối kỳ thể hiện 10.000 trái phiếu của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 1,3%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên nhiên King Green	16.074.940.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bến Vân Đồn	9.308.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Tâm An	8.284.500.000	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khánh Hội	3.331.200.000	-
Công ty TNHH Thương mại Thủy Sản Nguyễn Chi	2.681.260.701	-
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Khải	2.535.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh và Xuất Nhập khẩu Trường Thịnh	-	3.004.861.617
Khác	2.562.324.017	5.061.205.482
TỔNG CỘNG	44.777.224.718	8.066.067.099
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(1.280.135.557)	-
GIÁ TRỊ THUẬN	43.497.089.161	8.066.067.099

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công Ty TNHH Giải Pháp IDS	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Hồng Phát	110.687.650.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đầu tư Vận Thiên Phát	101.728.674.250	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Huy	97.416.315.000	-
Công ty Cổ phần SG Gravity	87.625.000.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế & Xây Dựng PNC	60.000.000.000	-
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên Nhiên King Green tại Tiền Giang	49.820.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Gia	28.690.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông Nghiệp Quốc Tế Gia	9.207.000.000	-
Công ty TNHH Phạm Trí Nguyễn	6.750.163.000	-
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	-	70.160.904.000
Khác	1.204.901.955	73.720.456
TỔNG CỘNG	693.129.704.205	70.234.624.456

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản trả trước cho người bán của Nhóm Công ty với giá trị là 686.351.088.250 VND liên quan đến trả cho các nhà cung cấp gạo.

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	305.861.341	241.133.800.032
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	181.200.000.000
Đặt cọc nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	-	45.000.000.000
Lãi trái phiếu, lãi hợp tác đầu tư	34.147.945	12.120.000.000
Tạm ứng nhân viên để thực hiện hoạt động kinh doanh	191.161.976	2.645.473.000
Ký quỹ	29.040.000	-
Khác	51.511.420	168.327.032
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên khác</i>	300.481.402	-
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	5.379.939	-
Dài hạn	534.342.260	467.808.000
Ký quỹ	534.342.260	467.808.000
TỔNG CỘNG	840.203.601	241.601.608.032

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	39.638.378.626	-
Công cụ, dụng cụ	-	130.296.375
Nhiên liệu	226.489.344	-
Hàng gửi đi bán	17.466.314.036	-
TỔNG CỘNG	57.331.182.006	130.296.375

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	524.034.587	54.172.919
Công cụ, dụng cụ	255.809.888	-
Bảo hiểm	161.618.863	-
Khác	106.605.836	54.172.919
Dài hạn	1.922.679.842	1.105.082.037
Công cụ, dụng cụ	1.316.103.257	418.397.906
Chi phí cải tạo văn phòng	574.365.866	385.576.033
Khác	32.210.719	301.108.098
TỔNG CỘNG	2.446.714.429	1.159.254.956

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND	
	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Nam An	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		-
Phát sinh từ hợp nhất		108.796.110.509
Số cuối năm		108.796.110.509
Phân bổ lũy kế:		
Số cuối năm		-
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		-
Số cuối năm		108.796.110.509



Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	-	31.348.182	43.727.274	1.248.869.091	1.323.944.547
Tăng do hợp nhất	16.468.700.342	46.649.201.847	-	37.610.511.031	100.728.413.220
Điều chỉnh giá trị hợp lý (*)	22.190.110.508	18.979.197.027	-	-	41.169.307.535
Mua mới	79.616.727	-	-	-	79.616.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.348.182)	(43.727.274)	(1.248.869.091)	(1.323.944.547)
Giảm do thanh lý công ty con	(79.616.727)	-	-	-	(79.616.727)
Số cuối năm	38.658.810.850	65.628.398.874	-	37.610.511.031	141.897.720.755
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	-	(31.348.182)	(43.727.274)	(405.882.432)	(480.957.888)
Tăng do hợp nhất	(4.059.631.953)	(16.012.049.989)	-	(7.723.893.683)	(27.795.575.625)
Khấu hao trong năm	(4.423.152)	-	-	(93.665.178)	(98.088.330)
Thanh lý, nhượng bán	-	31.348.182	43.727.274	499.547.610	574.623.066
Giảm do thanh lý công ty con	4.423.152	-	-	-	4.423.152
Số cuối năm	(4.059.631.953)	(16.012.049.989)	-	(7.723.893.683)	(27.795.575.625)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	-	-	-	842.986.659	842.986.659
Số cuối năm	34.599.178.897	49.616.348.885	-	29.886.617.348	114.102.145.130

Trong đó:
Tài sản sử dụng để thế chấp
(Thuyết minh số 21)
Tài sản ngừng sử dụng chờ
thanh lý

	34.259.057.980	9.675.269.571	-	29.768.235.681	73.702.563.232
	-	2.176.565.200	-	-	2.176.565.200

(*) Như trình bày tại thuyết minh số 4, tài sản thuần tại ngày mua được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên ước tính tạm thời về giá trị hợp lý do Nhóm Công ty đang làm việc với đơn vị tư vấn độc lập đánh giá về giá trị của nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất	19.333.463.806
Điều chỉnh giá trị hợp lý (*)	<u>58.710.214.852</u>
Số cuối năm	<u>78.043.678.658</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất	<u>(1.004.899.708)</u>
Số cuối năm	<u>(1.004.899.708)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>77.038.778.950</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 75.712.200.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (*Thuyết minh số 21*).

(*) Như trình bày tại thuyết minh số 4, tài sản thuần tại ngày mua được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên ước tính tạm thời về giá trị hợp lý do Nhóm Công ty đang làm việc với đơn vị tư vấn độc lập đánh giá về giá trị của quyền sử dụng đất.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đóng mới 2 sà lan 550 tấn	9.179.942.164	-
Xây mới 2 hầm sấy lúa 50 tấn/hầm và 7 tháp sấy 75 tấn/tháp	<u>784.410.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>9.964.352.164</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 9.179.942.164 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trung dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2 (*Thuyết minh số 21.2*).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 314.907.905 VND (năm 2022: không)

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Vạn Lợi	2.983.210.700	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Nhơn Thịnh Phú	1.661.315.400	-
Công ty TNHH Phạm Trí Nguyễn	1.467.079.506	-
DNTT Vận chuyển hàng hóa Phát Tài	780.451.498	-
Công ty TNHH Vận tải Phạm Trí Nguyễn	746.378.971	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	200.000.000	624.822.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TLS	-	333.396.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Việt Á	-	327.996.000
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen Việt Nam	-	156.696.000
Khác	827.548.270	964.601.941
TỔNG CỘNG	<u>8.665.984.345</u>	<u>2.407.511.941</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia	199.216.058.747	-
Công ty Cổ phần XNK Thuận Minh	175.914.638.763	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên Nhiên King Green	4.472.952.123	-
Khác	292.000.000	193.182.254
TỔNG CỘNG	<u>379.895.649.633</u>	<u>193.182.254</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Tăng do hợp nhất	Giảm trong năm	Giảm do thanh lý công ty con	Số cuối năm
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	663.093.328	1.860.388.502	1.819.450.115	(1.364.538.672)	(17.113.998)	2.961.279.275
Thuế giá trị gia tăng	59.591.750	2.488.440.412	-	(2.313.460.908)	(234.110.825)	460.429
Thuế thu nhập cá nhân	51.612.120	782.615.428	1.294.814	(740.312.691)	(70.021.275)	25.188.396
Thuế khác	-	8.000.000	-	(8.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	774.297.198	5.139.444.342	1.820.744.929	(4.426.312.271)	(321.246.098)	2.986.928.100
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	1.041.625	1.715.328.345	11.581.361.407	(1.528.022.590)	-	11.769.708.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.655.765	-	-	(18.655.765)	-	-
TỔNG CỘNG	19.697.390	1.715.328.345	11.581.361.407	(1.546.678.355)	-	11.769.708.787

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	552.399.438	-
Phí dịch vụ chuyên môn	310.000.000	-
Tiền điện	244.985.047	-
Chi phí phải trả hãng tàu	-	671.758.000
Khác	1.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>1.108.384.485</u>	<u>671.758.000</u>

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.328.702.957	8.121.704.502
Cổ tức phải trả	644.525.900	8.102.946.300
Phải trả khác	3.684.177.057	18.758.202
Dài hạn	-	15.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	-	15.000.000
TỔNG CỘNG	<u>4.328.702.957</u>	<u>8.136.704.502</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả các bên khác	840.040.630	5.080.004.262
- Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	3.488.662.327	3.056.700.240

Công ty Cổ phần TCO Holding
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Số đầu năm	Tăng do thanh lý công ty con	Tăng do hợp nhất	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	-	45.000.000.000	405.822.000.000	(45.000.000.000)	10.638.536.000	416.460.536.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	-	-	405.822.000.000	-	-	405.822.000.000
Vay Tasa Duyên Hải	-	45.000.000.000	-	(45.000.000.000)	-	-
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 21.2)	-	-	-	-	10.638.536.000	10.638.536.000
Vay dài hạn	-	-	37.001.632.000	-	(10.638.536.000)	26.363.096.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	-	-	37.001.632.000	-	(10.638.536.000)	26.363.096.000
TỔNG CỘNG	-	45.000.000.000	442.823.632.000	(45.000.000.000)	-	442.823.632.000

VND

Công ty Cổ phần TCO Holding
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	300.000.000.000	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến ngày 29 tháng 4 năm 2024	7,3%	Số tiết kiệm trị giá 50 tỷ đồng thuộc sở hữu của Nam An (Thuyết minh số 6); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu bên thứ ba là cá nhân. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có nguyên giá ghi sổ lần lượt là 11.871.665.750 VND và 12.231.111.641 VND thuộc sở hữu của Nam An;
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh	64.822.000.000	Từ ngày 5 tháng 4 năm 2024 đến ngày 18 tháng 4 năm 2024	7,5%	Máy móc thiết bị có nguyên giá ghi sổ là 17.627.836.073 thuộc sở hữu của Nam An.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang	24.000.000.000	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2024 đến ngày 18 tháng 2 năm 2024	8,0 - 10,0%	Hàng tồn kho cố định: lúa khô và lúa Japonica thuộc sở hữu của Nam An.
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Tho	17.000.000.000	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024	9,0%	Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có nguyên giá ghi sổ lần lượt là 6.041.798.056 VND 4.117.588.701 VND thuộc sở hữu của Nam An.
TỔNG CỘNG	405.822.000.000			

Công ty Cổ phần TCO Holding
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng cho mục đích đầu tư nhà xưởng và mua sắm phương tiện vận tải. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Ngày đến hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	7.199.800.000	Từ ngày 28 tháng 1 năm 2024 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	9,0%	Tài sản hình thành tương lai (chi phí xây dựng cơ bản dở dang) với giá trị 9.179.942.164 VND (<i>Thuyết minh số 15</i>)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh	3.370.000.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 29 tháng 6 năm 2029	8,0%	Phương tiện vận tải có nguyên giá ghi sổ là 12.667.345.600 VND thuộc sở hữu của An Gia
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang	918.000.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 29 tháng 4 năm 2026	7,6 - 7,8%	Phương tiện vận tải có nguyên giá ghi sổ là 2.897.036.363 VND thuộc sở hữu của An Gia
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai	9.763.832.000	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2024 đến ngày 5 tháng 7 năm 2029	8,0%	Phương tiện vận tải có nguyên giá ghi sổ là 21.892.829.068 VND thuộc sở hữu của An Gia
TỔNG CỘNG	15.750.000.000	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2024 đến ngày 7 tháng 5 năm 2027	8,8%	Tin chấp
<i>Trong đó</i>	37.001.632.000			
<i>Khoản đến hạn trong vòng 12 tháng</i>	<i>10.638.536.000</i>			
<i>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</i>	<i>26.363.096.000</i>			

Công ty Cổ phần TCO Holding
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để chi trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	941.374.075	162.863.107
Trích lập	1.331.498.542	1.423.295.968
Sử dụng quỹ	<u>(793.262.000)</u>	<u>(644.785.000)</u>
Số cuối năm	<u>1.479.610.617</u>	<u>941.374.075</u>

Công ty Cổ phần TCO Holding
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							VND
Số đầu năm	187.110.000.000	29.926.933.100	-	944.565.060	-	56.246.799.875	274.228.298.035
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	44.383.284.735	44.383.284.735
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	948.863.979	948.863.979	(3.321.023.926)	(1.423.295.968)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(7.484.400.000)	(7.484.400.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(948.863.979)	-	(948.863.979)
Số cuối năm	187.110.000.000	29.926.933.100	-	1.893.429.039	-	89.824.660.684	308.755.022.823
Năm nay							
Số đầu năm	187.110.000.000	29.926.933.100	-	1.893.429.039	-	89.824.660.684	308.755.022.823
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	7.539.526.416	7.539.526.416
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	887.665.695	887.665.695	(3.106.829.932)	(1.331.498.542)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(887.665.695)	-	(887.665.695)
Số cuối năm	187.110.000.000	29.926.933.100	-	2.781.094.734	-	94.257.357.168	314.075.385.002

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ phát triển thị trường với số tiền lần lượt là 887.665.695 VND, 1.331.498.542 VND và 887.665.695 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và cuối năm	<u>187.110.000.000</u>	<u>187.110.000.000</u>
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã công bố (*)	-	7.484.400.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	7.458.420.400	-

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2023, cổ đông của Công ty đã thông qua việc trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt hoặc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với số tiền 18.711.000.000 VND và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thực hiện việc chi trả. Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty vẫn chưa thống nhất phương án chi trả cổ tức năm 2022.

23.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết và không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.539.526.416	44.383.284.735
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>226.185.792</u>	<u>1.331.498.542</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	<u>7.313.340.624</u>	<u>43.051.786.193</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	18.711.000	18.711.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh	18.711.000	18.711.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	391	2.301
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	391	2.301

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2023.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

23.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	500.150.832	35.564.107.144
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	1.422.926	(3.305.356.205)
Tăng do đóng góp của cổ đông không kiểm soát	150.000.000	500.000.000
Tăng do hợp nhất	2.795.334.846	-
Giảm do thanh lý công ty con	<u>(501.581.623)</u>	<u>(32.258.600.107)</u>
Số cuối năm	<u>2.945.326.981</u>	<u>500.150.832</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa (*)	-	1.279.905.690.337
Doanh thu dịch vụ bãi	23.520.355.150	27.490.598.831
Doanh thu cước vận tải biển	4.406.567.698	63.155.592.219
Doanh thu vận tải	1.440.202.200	15.658.181.829
Doanh thu khác	116.760.000	30.000.000
DOANH THU THUẦN	<u>29.483.885.048</u>	<u>1.386.240.063.216</u>

(*) Doanh thu kinh doanh xăng dầu của Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia (công ty con đến ngày 22 tháng 11 năm 2022)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.122.740.000	7.200.000.000
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	42.419.725.605
Lãi tiền gửi	4.690.735	8.857.953
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.206.775	6.991.739
TỔNG CỘNG	<u>13.129.637.510</u>	<u>49.635.575.297</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán (*)	-	1.274.047.492.353
Giá vốn dịch vụ bãi	18.941.993.727	24.326.885.896
Giá vốn cước vận tải biển	3.173.829.932	53.742.175.004
Giá vốn dịch vụ vận tải	1.241.951.550	14.595.202.405
Giá vốn dịch vụ khác	-	-
TỔNG CỘNG	<u>23.357.775.209</u>	<u>1.366.711.755.658</u>

(*) Giá vốn kinh doanh xăng dầu của Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia (công ty con đến ngày 22 tháng 11 năm 2022)

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ do thanh lý công ty con	156.580.585	
Lãi vay	-	5.132.900.852
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.529.343	733.381
Khác	-	1.098.573
TỔNG CỘNG	<u>159.109.928</u>	<u>5.134.732.806</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên (*)	-	3.296.845.577

(*) Chi phí nhân viên bán hàng của Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia (công ty con đến ngày 22 tháng 11 năm 2022)

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.037.126.173	9.808.087.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.671.106.038	3.340.398.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.665.178	1.189.570.214
Dự phòng phải thu khó đòi	1.280.135.557	-
Chi phí nguyên vật liệu	-	262.540.870
Khác	460.039.315	1.836.257.485
TỔNG CỘNG	<u>10.542.072.261</u>	<u>16.436.853.863</u>

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	1.274.047.492.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.440.697.095	96.004.661.521
Chi phí nhân viên	5.620.887.173	13.104.932.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.088.330	1.189.570.214
Chi phí khác	1.740.174.872	2.098.798.355
TỔNG CỘNG	<u>33.899.847.470</u>	<u>1.386.445.455.098</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	846.772.732	114
Lợi thế thương mại âm khi hợp nhất An Gia	536.094.213	-
Thanh lý tài sản hợp tác kinh doanh	300.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định	10.678.519	-
Khác	-	114
Chi phí khác	(48)	-
Khác	(48)	(238.362.136)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	846.772.684	(238.362.022)

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.860.388.502	2.263.315.015
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	715.845.042
TỔNG CỘNG	1.860.388.502	2.979.160.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.426.005.230	44.057.088.587
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	1,880,267,569	8.811.417.717
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	52.786.674	17.920.000
Lỗi (lãi) từ thanh lý công ty con được ghi nhận ở báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	31.316.117	(7.763.945.120)
Lợi thế thương mại âm	(107,218,843)	-
Lỗi từ công ty con	3.236.985	1.197.922.418
Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	715.845.042
Chi phí thuế TNDN	1.860.388.502	2.979.160.057

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải	Công ty con (đến ngày 1 tháng 10 năm 2023)
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con (từ ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con (từ ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con (từ ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia	Công ty con gián tiếp (từ ngày 30 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp (từ ngày 30 tháng 12 năm 2023)
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty cổ phần Hiên Nam	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Đầu tư Hoa Thiên Lý	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng (từ ngày 26 tháng 9 năm 2023)
Bà Lê Thị Thanh Phương	Kế toán trưởng (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày 26 tháng 9 năm 2023)
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023) Chủ tịch HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023) Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023), Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị (từ ngày 26 tháng 9 năm 2023)
Ông Lê Khánh Toàn	Phụ trách quản trị (đến ngày 26 tháng 9 năm 2023)
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
Ông Nguyễn Duy Dinh	Cố đồng lớn (đến ngày 10 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Cố đồng lớn (từ ngày 23 tháng 8 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Dầu tầm tở Việt Nam	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Quỹ Thành Công (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp lực)	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 16 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tazon	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Oriental Cove	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần AllFarm	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty TNHH Thương mại DeliFarm	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa Hòa Phát	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư IR Việt Nam	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ Quy Nhơn	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kita Group	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Duy Dinh	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	1.588.719.200	1.588.719.200
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	Cổ tức phải trả	1.464.014.600	1.464.014.600
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng	Cổ tức phải trả	2.052.000	2.052.000
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	Cổ tức phải trả	1.914.440	1.914.440
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng giám đốc	Cho công ty mượn tiền	3.488.662.327	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu ngắn hạn khác					
Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	Tạm ứng công tác phí	5.379.939	-	
			<u>5.379.939</u>	<u>-</u>	
Phải trả ngắn hạn khác					
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	Cho công ty mượn tiền	3.488.662.327	-	
Ông Nguyễn Duy Dinh	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	-	1.588.719.200	
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	Cổ tức phải trả	-	1.464.014.600	
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng	Cổ tức phải trả	-	2.052.000	
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	Cổ tức phải trả	-	1.914.440	
			<u>3.488.662.327</u>	<u>5.506.700.240</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong năm như sau:

Cá nhân	Vị trí	Thù lao và tiền lương	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	71.076.923	126.000.000
Nguyễn Nam Hùng	Chủ tịch HĐQT	576.923	-
Phạm Duy	Chủ tịch HĐQT	961.538	-
Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	72.166.667	-
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	54.461.538	91.000.000
Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	342.118.538	541.716.000
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	38.300.000	-
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT	34.038.462	58.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	34.038.462	58.000.000
Phạm Trần Ái Trung	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	576.923	-
Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	4.300.000	-
Ông Lê Khánh Toàn	Phụ trách quản trị	174.209.000	276.264.000
Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị	20.000.000	-
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	116.248.000	149.079.000
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng	197.052.000	310.940.000
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng	64.000.000	-
TỔNG CỘNG		1.224.124.974	1.610.999.000

33. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.205.279.775	3.164.808.000
Từ 1 đến 5 năm	7.353.789.138	1.526.004.000
TỔNG CỘNG	9.559.068.913	4.690.812.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VND			
	<i>Kinh doanh dịch vụ</i>	<i>Sản xuất</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	29.553.485.048	-	(69.600.000)	29.483.885.048
Doanh thu bộ phận	29.553.485.048	-	(69.600.000)	29.483.885.048
Chi phí bộ phận	(33.969.447.470)	-	69.600.000	(33.899.847.470)
Lợi nhuận bộ phận	(4.415.962.422)	-	-	(4.415.962.422)
Thu nhập tài chính				12.970.527.582
Thu nhập khác				846.772.684
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(1.860.388.502)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				7.540.949.342
Tài sản bộ phận	690.560.883.332	913.342.914.582	(425.334.367.104)	1.178.569.430.810
Nợ phải trả bộ phận	39.267.113.711	802.315.700.639	19.965.904.477	861.548.718.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

				VND
	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh thương mại	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	106.349.372.879	1.279.905.690.337	(15.000.000)	1.386.240.063.216
Doanh thu bộ phận	106.349.372.879	1.279.905.690.337	(15.000.000)	1.386.240.063.216
Chi phí bộ phận	(105.931.053.075)	(1.280.529.402.023)	15.000.000	(1.386.445.455.098)
Lợi nhuận bộ phận	418.319.804	(623.711.686)	-	(205.391.882)
Thu nhập tài chính				44.500.842.491
Chi phí khác				(238.362.022)
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(2.979.160.057)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				41.077.928.530
Tài sản bộ phận	375.987.560.175		-51.950.000.000)	324.037.560.175
Nợ phải trả bộ phận	17.217.386.520		- (2.450.000.000)	14.767.386.520

35. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2024